

Số: 34 /QĐ- THPT.TB

Trà Bồng, ngày 16 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tài sản năm 2025
của Trường THPT Trà Bồng**

Căn cứ Luật quản lý sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 64/202/QH14, Luật số 07/2022/QH15, luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 186/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường THPT Trà Bồng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tài sản công năm 2025 của Trường THPT Trà Bồng (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Thời gian công khai 30 kể từ ngày 26/02/2026 đến ngày 25/03/2026.

Hình thức công khai: Đăng tải trên trang Web của đơn vị.

Địa điểm công khai: tại Trường THPT Trà Bồng

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hiệu trưởng, Kế toán, các bộ phận có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD – ĐT Quảng Ngãi ;
- Hiệu trưởng trường THPT Trà Bồng;
- Website, Zalo trường;
- Lưu : KT , VT,



Nguyễn Công Hòa

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ngãi

Mẫu 04a-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ngãi

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Trà Bồng

Mã đơn vị: T48007

Loại hình đơn vị: Đơn vị sự nghiệp công lập

CÔNG KHAI VIỆC HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số 84/QĐ - THPT.TB ngày 16/02/2026 của Trường THPT Trà Bồng)

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hồng, không SỬ dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp									
1.1	Đất		25.697,60	59.113.680.000	59.113.680.000					
	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	1	20.102,20	46.235.060.000	46.235.060.000	x				
	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	1	5.595,40	12.878.620.000	12.878.620.000	x				
1.2	Nhà			20.245.370.682	8.130.563.590	x				
	Nhà bán trú học sinh khu G	1	207,4	2.574.677.000	1.079.420.360	x				
	Nhà hiệu bộ khu A	1	235,4	1.879.000.000	676.440.000	x				
	Nhà học bộ môn tăng - Khu hỗ trợ học tập (khu H)	1	262,1	3.783.640.000	1.967.492.800	x				
	4 phòng học khu C	1	163,8	631.633.600	233.140.224	x				

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	6 phòng học khu C	1	223,4	981.451.400	351.070.936	x				
	6 phòng học khu D	1	268,8	1.138.760.000	516.657.600	x				
	6 phòng học khu D	1	296,6	2.051.390.000	907.807.600	x				
	Nhà bộ môn thí nghiệm, thực hành khu B	1	328,0	1.453.356.000	718.913.280	x				
	Nhà công vụ giáo viên 5 phòng	1	167,4	510.000.000	169.830.000	x				
	Nhà luyện tập Đa năng khu E	1	874,2	3.883.163.000	923.921.052	x				
	Nhà bếp ăn học sinh bán trú khu G	1	117,0	248.643.000	49.629.144	x				
	Nhà vệ sinh học sinh phía Bắc số 2	1	80,0	710.687.000	260.007.839	x				
	Nhà xe giáo viên	1	100,0	122.506.146	82.369.011	x				
	Nhà xe học sinh	1	191,0	47.980.000	41.579.468	x				
	Sửa chữa nhà xe học sinh học sinh	1		228.483.536	152.284.276	x				
13	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác			4.843.388.464	1.505.371.284					
	Đường bê tông, sân block	1		223.566.000	78.248.100	x				
	sân Lát gạch Block	1		140.965.000	63.434.250	x				
	Sửa chữa sân trường, mương	1		131.363.000	65.681.500	x				
	Tường rào khu thể chất	1		192.468.000		x				
	Tường rào cổng ngõ chính	1		1.453.295.000	91.978.500	x				
	Tường rào phía Tây Nam	1		720.250.000		x				
	Kè chắn đất BC	1		198.331.000		x				
	Kè chắn đất AB	1		241.990.000		x				
	Sân chào cờ 2024	1		1.027.938.000	925.144.200	x				

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Giếng khoan bán trú học sinh	1		41.000.000					x	
	Sân bê tông xung quanh sân bóng đá Mini năm 2024	1		49.965.000	39.972.000	x				
	sửa chữa tường rào khu giáo viên	1		347.797.464	173.898.734	x				
	Giếng khoan năm 2025	1		34.500.000	31.050.000	x				
	Sân khấu lắp ghép 2022	1		39.960.000	35.964.000	x				
2	Xe ô tô									
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh									
										
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung									
	...									
2.3	Xe ô tô chuyên dùng									
	...									
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước									
	...									
3.	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)									
	...									
4	Máy móc, thiết bị			4.048.237.314	1.445.035.841					
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh			279.039.276	63.063.750					
	Máy tính xách tay chuyển đổi số năm 2023 HT	1		11.580.000	4.632.000	x				
	Máy tính xách tay dùng cho chuyển đổi số năm 2023 KT	1		11.580.000	4.632.000	x				
	Máy tính xách tay chuyển đổi số năm 2023 CM	1		11.580.000	4.632.000	x				

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy tính xách tay 2022	3		64.197.276						
	MÁY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ 6 CÁI 2021	6		84.774.000	31.790.250	x				
	MÁY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ LOẠI 2 2019	4		51.636.000	6.454.500	x				
	MÁY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ LOẠI 4 2019	4		43.692.000	10.923.000	x				
4.2	<i>Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung</i>			3.769.198.038	1.381.972.091	x				
	BÀN GHẾ PHỤC VỤ CHUNG	1		40.400.000	25.250.000	x				
	Bộ âm thanh	1		60.500.000	12.100.000	x				
	Bộ âm thanh phòng học	1		17.100.000	6.840.000	x				
	Bộ dụng cụ đo các đại lượng không điện môn Hóa học	1		38.800.000	31.040.000	x				
	Bộ dụng cụ đo các đại lượng không điện môn Hóa học 2024 2/2	1		38.800.000	31.040.000	x				
	BỘ THÍ NGHIỆM ĐỊNH LUẬT BOYLE	3		30.332.445	15.166.220	x				
	Bộ thí nghiệm quang hợp/hô hấp thực vật	4		116.000.000	58.000.000	x				
	Bộ thiết bị đo kĩ thuật số tích hợp môn vật lý năm 2024	1		43.625.000	34.900.000	x				
	BỘ THIẾT NGHIỆM CHUẨN ĐỘ	3		20.963.943	10.481.973	x				
	BỘ THIẾT NGHIỆM QUANG HỢP HÔ HẤP	3		43.617.288	21.808.643	x				

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	BỘ THIẾT NGHIỆM QUANG HỢP HỒ HẤP	3		42.619.005	21.309.500	x				
	Bộ thu nhận số liệu môn Sinh học	1		10.500.000	6.300.000	x				
	Bộ thu nhận số liệu môn Vật lý	2		25.760.000	10.304.000	x				
	Cảm biến bức xạ	3		40.852.812	20.426.407	x				
	Cảm biến khí OXY	4		61.200.000	30.600.000	x				
	Dàn đèn led chạy chữ năm 2024	1		42.000.000	25.200.000	x				
	Điều hòa nhiệt độ 2020	4		51.840.000	12.960.000	x				
	Hệ thống báo cháy tự động	1		29.790.000	7.447.500	x				
	Kính hiển vi quang học	4		65.400.000	32.700.000	x				
	Màn hình hiển thị (Tivi) 65 inch 2024 (1/7)	1		16.050.000	9.630.000	x				
	Màn hình hiển thị (Tivi) 65 inch 2024 (2/7)	1		16.050.000	9.630.000	x				
	Màn hình hiển thị (Tivi) 65 inch 2024 (2/7)	1		16.050.000	9.630.000	x				
	Màn hình hiển thị (Tivi) 65 inch 2024 (2/7)	1		16.050.000	9.630.000	x				
	Màn hình hiển thị (Tivi) 65 inch 2024 (5/7)	1		16.050.000	9.630.000	x				
	Màn hình hiển thị (Tivi) 65 inch 2024 (6/7)	1		16.050.000	9.630.000	x				

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Màn hình hiển thị (Tivi) 65 inch 2024 (7/7)	1		16.050.000	9.630.000	x				
	Màn hình Smart ti vi 2020	4		129.960.000		x				
	MÀN HÌNH SMART TI VI 65INCH	1		27.250.000	10.900.000	x				
	Màn hình ti vi 65 inch phục vụ chuyển đổi số năm 2023 chuyển sang 2024 (1/4)	1		22.050.000	13.230.000	x				
	Màn hình ti vi 65 inch phục vụ chuyển đổi số năm 2023 chuyển sang 2024 (2/4)	1		22.050.000	13.230.000	x				
	Màn hình ti vi 65 inch phục vụ chuyển đổi số năm 2023 chuyển sang 2024 (3/4)	1		22.050.000	13.230.000	x				
	Màn hình ti vi 65 inch phục vụ chuyển đổi số năm 2023 chuyển sang 2024 (4/4)	1		22.050.000	13.230.000	x				
	Màn hình hiển thị tương tác thông minh và giá đỡ năm 2023 môn Tiếng Anh	1		132.700.000	53.080.000	x				
	Màn hình hiển thị Smart ti vi 65inch.2023 Thiết bị dùng chung Phòng ý	1		27.250.000	10.900.000	x				
	Màn hình tương tác 2019	1		174.395.000	21.799.375	x				
	Máy chiếu đa năng và màn chiếu 3 chân	4		161.568.264		x				
	Máy điều hòa nhiệt độ năm 2024 phòng tin (2/2)	1		10.500.000	7.875.000	x				
	Máy điều hòa nhiệt độ phòng tin 2024 (1/2)	1		10.500.000	7.875.000	x				
	Máy nước cất 1 lần môn hóa học nhận năm 2023	1		12.750.000	7.968.750	x				
	Máy nước cất 1 lần môn Sinh	1		10.500.000	8.400.000	x				

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy phát điện 2019	1		22.342.000	6.702.600	x				
	Máy tính bàn 2019 loại 1 T5400SN	6		72.690.000		x				
	Máy tính bàn 2019 loại 1 T5400SN	2		28.404.038		x				
	Máy tính dành cho giáo viên 2019	1		11.700.000		x				
	Máy tính để bàn FPT Elead T5400TO	10		121.700.000		x				
	Máy tính xách tay năm 2022 tiếp nhận 33 cái	33		392.700.000	78.540.000	x				
	Máy vi tính để bàn cho dạy môn Tin học năm 2023	31		374.790.000	149.916.000	x				
	Máy vi tính để bàn đi cùng bảng tương tác dành cho bộ môn Tiếng Anh	1		13.650.000	5.460.000	x				
	Máy vi tính để bàn dùng cho phòng tin	10		119.950.000		x				
	Máy vi tính để bàn năm 2023	1		12.090.000	4.836.000	x				
	Máy vi tính X-MEDIA	1		14.500.000		x				
	Smart TV 65 inch năm 2023 dùng chung	1		27.250.000	10.900.000	x				
	SMART TIVI 65 INCH PHÒNG HÓA NĂM 2023	1		27.250.000	10.900.000	x				
	Thiết bị chứng minh định luật Hooke môn Lý	1		18.314.000	14.651.200	x				
	Thiết bị chứng minh định luật Hooke môn Lý 2/2	1		18.314.000	14.651.200	x				

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Thiết bị đo độ dịch chuyển, tốc độ, vận tốc	1		43.625.000	34.900.000	x				
	Thiết bị đo độ dịch chuyển, tốc độ, vận tốc môn lý	1		43.625.000	34.900.000	x				
	Thiết bị đo gia tốc môn Vật lý nhận năm 2024	1		43.625.000	34.900.000	x				
	Thiết bị đo tần số sóng âm	1		13.475.000	10.780.000	x				
	Thiết bị đo tốc độ truyền âm môn vật lý năm 2024	1		13.493.000	8.095.800	x				
	Thiết bị đo tốc độ truyền âm môn vật lý năm 2024	1		13.493.000	10.794.400	x				
	Thiết bị đo vận tốc và gia tốc của vật rơi tự do	1		16.468.000	13.174.400	x				
	Thiết bị khảo sát động lượng môn Vật lý năm 2024	1		43.625.000	26.175.000	x				
	Thiết bị khảo sát năng lượng trong va chạm	1		43.625.000	26.175.000	x				
	Thiết bị khảo sát năng lượng trong va chạm	1		43.625.000	26.175.000	x				
	Thiết bị thu nhận và xử lý tín hiệu	3		44.001.243	22.000.623	x				
	Thiết bị thu nhận, xử lý và hiển thị dữ liệu cảm tay nâng cao	3		66.000.000		x				
	Ti vi phòng hội đồng năm 2024	1		41.500.000	33.200.000	x				
	Tủ bảo quan hóa chất môn sinh năm 2024	1		11.800.000	8.850.000	x				
	Tủ bảo quản kính hiển vi môn Sinh Năm 2024	1		13.750.000	10.312.500	x				

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tủ đựng hóa chất môn Hóa Học 2024	1		17.800.000	10.680.000	x				
	Tủ hút môn sinh	1		28.000.000	16.800.000	x				
	Tủ hút mùi, khí độc phòng thí nghiệm hóa 2021	1		189.000.000	94.500.000	x				
	TỦ SẤY PHÒNG THÍ NGHIỆM	1		45.000.000		x				
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm									
	...									
6	Tài sản cố định đặc thù									
	...									
7	Tài sản cố định hữu hình khác	1	0	10.000.000	10.000.000					
	Phần mềm quản lý thu 2019	1		10.000.000	10.000.000				x	
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)									
	...									
	Tổng số			88.260.676.460	70.204.650.715					

NGƯỜI LẬP PHIẾU

leah

Trà Bồng, ngày 16 tháng 02 năm 2026

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Công Hòa

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Trà Bồng
Mã đơn vị: T48007
Loại hình đơn vị: Đơn vị sự nghiệp công lập

Mẫu 04b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025
(Kèm theo QĐ số 24/QĐ - THPT.TB ngày 16/02/2026 của Trường THPT Trà Bồng)

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không SỬ dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp									
1.1	Đất		25.697,60	59.113.680.000	59.113.680.000					
	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	1	20.102,20	46.235.060.000	46.235.060.000	x				
	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	1	5.595,40	12.878.620.000	12.878.620.000	x				
1.2	Nhà		20.245.370.682	8.130.563.590		x				
	Nhà bán trú học sinh khu G	1	207,4	2.574.677.000	1.079.420.360	x				
	Nhà hiệu bộ khu A	1	235,4	1.879.000.000	676.440.000	x				
	Nhà học bộ môn tăng - Khu hỗ trợ học tập (khu H)	1	262,1	3.783.640.000	1.967.492.800	x				

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	4 phòng học khu C	1	163,8	631.633.600	233.140.224	x				
	6 phòng học khu C	1	223,4	981.451.400	351.070.936	x				
	6 phòng học khu D	1	268,8	1.138.760.000	516.657.600	x				
	6 phòng học khu D	1	296,6	2.051.390.000	907.807.600	x				
	Nhà bộ môn thí nghiệm, thực hành khu B	1	328,0	1.453.356.000	718.913.280	x				
	Nhà công vụ giáo viên 5 phòng	1	167,4	510.000.000	169.830.000	x				
	Nhà luyện tập Đa năng khu E	1	874,2	3.883.163.000	923.921.052	x				
	Nhà bếp ăn học sinh bán trú khu G	1	117,0	248.643.000	49.629.144	x				
	Nhà vệ sinh học sinh phía Bắc số 2	1	80,0	710.687.000	260.007.839	x				
	Nhà xe giáo viên	1	100,0	122.506.146	82.369.011	x				
	Nhà xe học sinh	1	191,0	47.980.000	41.579.468	x				
	Sửa chữa nhà xe học sinh học sinh	1		228.483.536	152.284.276	x				
13	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác			4.843.388.464	1.505.371.284					
	Đường bê tông, sân block	1		223.566.000	78.248.100	x				
	sân Lát gạch Block	1		140.965.000	63.434.250	x				
	Sửa chữa sân trường, nương	1		131.363.000	65.681.500	x				
	Tường rào khu thể chất	1		192.468.000		x				
	Tường rào cổng ngõ chính	1		1.453.295.000	91.978.500	x				
	Tường rào phía Tây Nam	1		720.250.000		x				
	Kè chắn đất BC	1		198.331.000		x				
	Kè chắn đất AB	1		241.990.000		x				
	Sân chào cờ 2024	1		1.027.938.000	925.144.200	x				

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Giếng khoan bán trú học sinh	1		41.000.000					x	
	Sân bê tông xung quanh sân bóng đá MĩN1 năm 2024	1		49.965.000	39.972.000	x				
	sửa chữa tường rào khu giáo viên	1		347.797.464	173.898.734	x				
	Giếng khoan năm 2025	1		34.500.000	31.050.000	x				
	Sân khấu lắp ghép 2022	1		39.960.000	35.964.000	x				
2	Xe ô tô									
2.1	<i>Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh</i>									
										
2.2	<i>Xe ô tô phục vụ công tác chung</i>									
	...									
2.3	<i>Xe ô tô chuyên dùng</i>									
	...									
2.4	<i>Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước</i>									
	...									
3.	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)									
	...									
4	Máy móc, thiết bị			4.048.237.314	1.445.035.841					
4.1	<i>Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh</i>			279.039.276	63.063.750					
	Máy tính xách tay chuyên đổi số năm 2023 HT	1		11.580.000	4.632.000	x				
	Máy tính xách tay dùng cho chuyển đổi số năm 2023 KT	1		11.580.000	4.632.000	x				
	Máy tính xách tay chuyên đổi số năm 2023 CM	1		11.580.000	4.632.000	x				
	Máy tính xách tay 2022	3		64.197.276						
	MÁY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ 6 CÁI 2021	6		84.774.000	31.790.250	x				

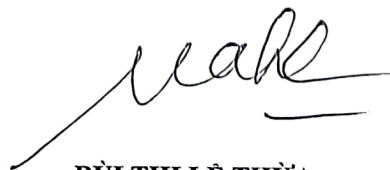
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	MAY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ LOẠI 2 2019	4		51.636.000	6.454.500	x				
	MAY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ LOẠI 4 2019	4		43.692.000	10.923.000	x				
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung			3.769.198.038	1.381.972.091	x				
	BÀN GHẾ PHỤC VỤ CHUNG	1		40.400.000	25.250.000	x				
	Bộ âm thanh	1		60.500.000	12.100.000	x				
	Bộ âm thanh phòng học	1		17.100.000	6.840.000	x				
	Bộ dụng cụ đo các đại lượng không điện môn Hóa học	1		38.800.000	31.040.000	x				
	Bộ dụng cụ đo các đại lượng không điện môn Hóa học 2024 2/2	1		38.800.000	31.040.000	x				
	BỘ THÍ NGHIỆM ĐỊNH LUẬT BOYLE	3		30.332.445	15.166.220	x				
	Bộ thí nghiệm quang hợp/hô hấp thực vật	4		116.000.000	58.000.000	x				
	Bộ thiết bị đo kĩ thuật số tích hợp môn vật lý năm 2024	1		43.625.000	34.900.000	x				
	BỘ THIẾT NGHIỆM CHUẨN ĐỘ	3		20.963.943	10.481.973	x				
	BỘ THIẾT NGHIỆM QUANG HỢP HỒ HẤP	3		43.617.288	21.808.643	x				
	BỘ THIẾT NGHIỆM QUANG HỢP HỒ HẤP	3		42.619.005	21.309.500	x				
	Bộ thu nhận số liệu môn Sinh học	1		10.500.000	6.300.000	x				
	Bộ thu nhận số liệu môn Vật lý	2		25.760.000	10.304.000	x				
	Cảm biến bức xạ	3		40.852.812	20.426.407	x				
	Cảm biến khí OXY	4		61.200.000	30.600.000	x				
	Dàn đèn led chạy chữ năm 2024	1		42.000.000	25.200.000	x				
	Điều hòa nhiệt độ 2020	4		51.840.000	12.960.000	x				
	Hệ thống báo cháy tự động	1		29.790.000	7.447.500	x				
	Kính hiển vi quang học	4		65.400.000	32.700.000	x				
	Màn hình hiển thị (Tivi) 65 inch 2024 (1/7)	1		16.050.000	9.630.000	x				
	Màn hình hiển thị (Tivi) 65 inch 2024 (2/7)	1		16.050.000	9.630.000	x				
	Màn hình hiển thị (Tivi) 65 inch 2024 (2/7)	1		16.050.000	9.630.000	x				

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Màn hình hiển thị (Tivi) 65 inch 2024 (2/7)	1		16.050.000	9.630.000	x				
	Màn hình hiển thị (Tivi) 65 inch 2024 (5/7)	1		16.050.000	9.630.000	x				
	Màn hình hiển thị (Tivi) 65 inch 2024 (6/7)	1		16.050.000	9.630.000	x				
	Màn hình hiển thị (Tivi) 65 inch 2024 (7/7)	1		16.050.000	9.630.000	x				
	Màn hình Smart ti vi 2020	4		129.960.000		x				
	MÀN HÌNH SMART TI VI 65INCH	1		27.250.000	10.900.000	x				
	Màn hình ti vi 65 inch phục vụ chuyển đổi số năm 2023 chuyển sang 2024 (1/4)	1		22.050.000	13.230.000	x				
	Màn hình ti vi 65 inch phục vụ chuyển đổi số năm 2023 chuyển sang 2024 (2/4)	1		22.050.000	13.230.000	x				
	Màn hình ti vi 65 inch phục vụ chuyển đổi số năm 2023 chuyển sang 2024 (3/4)	1		22.050.000	13.230.000	x				
	Màn hình ti vi 65 inch phục vụ chuyển đổi số năm 2023 chuyển sang 2024 (4/4)	1		22.050.000	13.230.000	x				
	Màn hình hiển thị tương tác thông minh và giá đỡ năm 2023 môn Tiếng Anh	1		132.700.000	53.080.000	x				
	Màn hình hiển thị Smart ti vi 65inch.2023 Thiết bị dùng chung Phòng ý	1		27.250.000	10.900.000	x				
	Màn hình tương tác 2019	1		174.395.000	21.799.375	x				
	Máy chiếu đa năng và màn chiếu 3 chân	4		161.568.264		x				
	Máy điều hòa nhiệt độ năm 2024 phòng tin (2/2)	1		10.500.000	7.875.000	x				
	Máy điều hòa nhiệt độ phòng tin 2024 (1/2)	1		10.500.000	7.875.000	x				
	Máy nước cất 1 lần môn hóa học nhận năm 2023	1		12.750.000	7.968.750	x				
	Máy nước cất 1 lần môn Sinh	1		10.500.000	8.400.000	x				
	Máy phát điện 2019	1		22.342.000	6.702.600	x				
	Máy tính bàn 2019 loại 1 T5400SN	6		72.690.000		x				
	Máy tính bàn 2019 loại 1 T5400SN	2		28.404.038		x				
	Máy tính dành cho giáo viên 2019	1		11.700.000		x				
	Máy tính để bàn FPT Elead T5400TO	10		121.700.000		x				

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy tính xách tay năm 2022 tiếp nhận 33 cái	33		392.700.000	78.540.000	x				
	Máy vi tính để bàn cho dạy môn Tin học năm 2023	31		374.790.000	149.916.000	x				
	Máy vi tính để bàn đi cung bảng tương tác dành cho bộ môn Tiếng Anh	1		13.650.000	5.460.000	x				
	Máy vi tính để bàn dùng cho phòng tin	10		119.950.000		x				
	Máy vi tính để bàn năm 2023	1		12.090.000	4.836.000	x				
	Máy vi tính X-MEDIA	1		14.500.000		x				
	Smart ti vi 65 inch năm 2023 dùng chung	1		27.250.000	10.900.000	x				
	SMART TIVI65INCH PHÒNG HÓA NĂM 2023	1		27.250.000	10.900.000	x				
	Thiết bị chứng minh định luật Hooke môn Lý	1		18.314.000	14.651.200	x				
	Thiết bị chứng minh định luật Hooke môn Lý 2/2	1		18.314.000	14.651.200	x				
	Thiết bị đo độ dịch chuyển, tốc độ, vận tốc	1		43.625.000	34.900.000	x				
	Thiết bị đo độ dịch chuyển, tốc độ, vận tốc môn lý	1		43.625.000	34.900.000	x				
	Thiết bị đo gia tốc môn Vật lý nhận năm 2024	1		43.625.000	34.900.000	x				
	Thiết bị đo tần số sóng âm	1		13.475.000	10.780.000	x				
	Thiết bị đo tốc độ truyền âm môn vật lý năm 2024	1		13.493.000	8.095.800	x				
	Thiết bị đo tốc độ truyền âm môn vật lý năm 2024	1		13.493.000	10.794.400	x				
	Thiết bị đo vận tốc và gia tốc của vật rơi tự do	1		16.468.000	13.174.400	x				
	Thiết bị khảo sát động lượng môn Vật lý năm 2024	1		43.625.000	26.175.000	x				
	Thiết bị khảo sát năng lượng trong va chạm	1		43.625.000	26.175.000	x				
	Thiết bị khảo sát năng lượng trong va chạm	1		43.625.000	26.175.000	x				
	Thiết bị thu nhận và xử lý tín hiệu	3		44.001.243	22.000.623	x				

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Thiết bị thu nhận, xử lý và hiển thị dữ liệu cầm tay nâng cao	3		66.000.000		x				
	Ti vi phòng hội đồng năm 2024	1		41.500.000	33.200.000	x				
	Tủ bảo quan hóa chất môn sinh năm 2024	1		11.800.000	8.850.000	x				
	Tủ bảo quản kính hiển vi môn Sinh Năm 2024	1		13.750.000	10.312.500	x				
	Tủ đựng hóa chất môn Hóa Học 2024	1		17.800.000	10.680.000	x				
	Tủ hút môn sinh	1		28.000.000	16.800.000	x				
	Tủ hút mùi, khí độc phòng thí nghiệm hóa 2021	1		189.000.000	94.500.000	x				
	TỦ SẤY PHÒNG THÍ NGHIỆM	1		45.000.000		x				
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm									
	...									
6	Tài sản cố định đặc thù									
	...									
7	Tài sản cố định hữu hình khác	1	0	10.000.000	10.000.000					
	Phần mềm quản lý thu 2019	1		10.000.000	10.000.000				x	
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)									
	...									
	Tổng số			88.260.676.460	70.204.650.715					

NGƯỜI LẬP PHIẾU



BÙI THỊ LỆ THỪA

Trà Bồng, ngày 16 tháng 02 năm 2026

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)





Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

CK/TSC

(Kèm theo QĐ số 34/QĐ-THPT.TB ngày 16/02/2026 của Trường THPT Trà Bồng)

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên: Diện tích là: m^2 ; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng.

[illegible]

[illegible]

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	...																
3.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng																
	...																
4	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm																
5	Tài sản cố định đặc thù																
6	Tài sản cố định hữu hình khác																
7	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)																
																	

NGƯỜI LẬP PHIẾU


BÙI THỊ LỆ THỪA

Trà Bồng, ngày 16 tháng 02 năm 2026

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN



(Ký, họ tên và đóng dấu)


Nguyễn Công Hòa

Loại hình đơn vị: Đơn vị sự nghiệp công lập

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên: Diện tích là: m^2 ; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)															
	...															

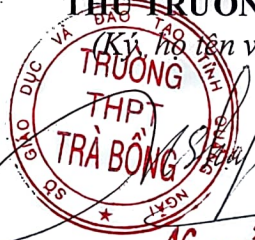
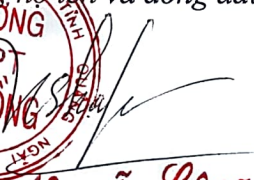
NGƯỜI LẬP PHIẾU


BÙI THỊ LỆ THỪA

Trà Bồng, ngày 16 tháng 02 năm 2026

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Công Hòa